

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 178/2024/DS-PT
Ngày: 14/3/2024
V/v tranh chấp hợp đồng thế
chấp tài sản.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Như Hà.

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Thủy.

Bà Mai Thị Mỹ Tiên.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Cẩm Nhung – Thư ký Tòa án nhân dân
Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia
phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thanh Trúc - Kiểm sát viên.

Vào ngày 14 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành Phố Hồ
Chí Minh đã xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 730/2023/TLPT-DS
ngày 29/12/2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng thế chấp tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 3308/2023/DS-ST ngày 28 tháng 8 năm 2023
của Tòa án nhân dân thành phố E bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 248/2024/QĐ-PT ngày 12 tháng 01
năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 1062/2024/QĐ-PT ngày 02/02/2024 và
Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 711/2024/QĐPT-DS ngày 19 tháng 02 năm
2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Lê Tất A, sinh năm 1957 – Chủ Doanh nghiệp tư nhân
Dịch vụ cầm đồ B (Có mặt).

Địa chỉ: Đường C, phường D, thành phố E, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Bà Trần Thị Hồng G, sinh năm 1983 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Đường H, phường D, thành phố E, Thành phố Hồ Chí Minh.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Phạm Bảo I, sinh năm 1983 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Đường H, phường D, thành phố E, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn trình bày: Vào ngày 27/9/2019, bà Trần Thị Hồng G và chồng là ông Phạm Bảo I có ký kết “Hợp đồng cầm cố thế chấp tài sản” số 80 với ông Lê Tất A- Chủ DNTN Dịch vụ Cầm đồ B, nội dung: Bà G cầm cố cho ông Lê Tất A 01 xe máy nhãn hiệu Honda, số loại Vision, màu sơn trắng đen, biển số đăng ký X-607.62, số máy JF86E2116894, số khung 5836KY052445, tên chủ xe là Trần Thị Hồng G. Theo hợp đồng, giá trị cầm cố xe là 20.000.0000 (Hai mươi triệu) đồng, thời hạn cầm cố là 01 tháng kể từ ngày 27/7/2019 đến ngày 27/10/2019, với mức lãi suất trong hạn là 0,2%/ngày, lãi suất quá hạn là 150% lãi suất trong hạn. Ông Lê Tất A chỉ giữ bản chính “Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy” tên chủ xe là Trần Thị Hồng G, còn tài sản là xe máy biển số đăng ký X-607.62 do bà G và ông Phạm Bảo I tự quản lý, sử dụng.

Hết thời hạn của hợp đồng cầm cố, bà G không thanh toán tiền vốn gốc và tiền lãi theo thỏa thuận. Nay ông Lê Tất A yêu cầu bà G và ông Phạm Bảo I thanh toán cho ông A số tiền vốn gốc 20.000.000 (Hai mươi triệu) đồng và tiền lãi tính đến thời điểm xét xử ngày 28/8/2023 theo mức lãi suất 0,2% ngày, tương ứng 6%/tháng. Ông A yêu cầu tính tiền lãi tiếp theo thời điểm xét xử cho đến khi bà G thanh toán xong tiền nợ. Trong trường hợp bà G và ông Phạm Bảo I không thanh toán đủ khoản nợ nêu trên thì đề nghị cơ quan thi hành án phát mãi tài sản thế chấp để bảo đảm thi hành án. Đối với xe máy biển số đăng ký X-607.62, hiện tại xe đang ở đâu, do ai quản lý, ông A không biết vì ông không liên lạc được với vợ chồng bà G. Ông Lê Tất A - Chủ DNTN Dịch vụ Cầm đồ B xác định, tại đơn khởi kiện ông có tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với ông Phạm Bảo I vì ông có cho ông Phạm Bảo I vay số tiền 10.000.000 (Mười triệu) đồng theo Giấy mượn tiền ngày 29/11/2019. Tuy nhiên, ngày 15/11/2022, ông A có đơn xin rút yêu cầu khởi kiện về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với ông Phạm Bảo I để khởi kiện bằng một vụ án khác.

Bị đơn bà Trần Thị Hồng G; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Bảo I vắng mặt nên Tòa án nhân dân thành phố E không thu thập được ý kiến trình bày của các đương sự trên.

Bản án dân sự sơ thẩm số 3308/2023/DS-ST ngày 28 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân Thành phố E đã tuyên:

Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn ông Lê Tất A - Chủ DNTN Dịch vụ Cầm đồ B: Buộc bà Trần Thị Hồng G và ông Phạm Bảo I trả cho ông

Lê Tất A - Chủ DNTN Dịch vụ Cầm đồ B số tiền tạm tính đến ngày 28/8/2023 là 44.300.000 (Bốn mươi bốn triệu ba trăm nghìn) đồng theo Hợp đồng cầm cố thế chấp tài sản số 80 ngày 27/9/2019, bao gồm:

- Tiền vốn gốc: 20.000.000 đồng;
- Tiền lãi trong hạn: 300.000 đồng;
- Tiền lãi quá hạn: 24.000.000 đồng.

Ngay khi bà G và ông Phạm Bảo I thực hiện xong nghĩa vụ trả tiền, ông Lê Tất A có nghĩa vụ hoàn trả bản chính “Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy”, biển số đăng ký X-607.62 cho bà G.

Các bên thực hiện thanh toán tiền và giấy tờ ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Nếu bà G và ông Phạm Bảo I không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả tiền thì ông Lê Tất A được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp là xe máy nhãn hiệu Honda, số loại Vision, màu sơn trắng đen, biển số đăng ký X-607.62, số máy JF86E2116894, số khung 5836KY052445 để đảm bảo thi hành án.

Nếu số tiền thu được từ việc phát mãi tài sản không đủ để thanh toán tiền nợ thì bà G và ông Phạm Bảo I phải thanh toán thêm số tiền còn lại. Nếu số tiền thu được từ việc phát mãi tài sản còn dư thì thuộc về bà G và ông Phạm Bảo I.

Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày 29/8/2023 cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Đình chỉ giải quyết yêu cầu tranh chấp hợp đồng vay tài sản của ông Lê Tất A đối với bà Trần Thị Hồng G và ông Phạm Bảo I.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, quyền tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Ngoài ra bản ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 12/9/2023, nguyên đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị hủy án sơ thẩm để giải quyết về mặt hình sự.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Phía nguyên đơn trình bày: Về nội dung bản án sơ thẩm đã tuyên về số tiền bị đơn phải trả ông không có ý kiến. Riêng về nội dung trong đơn kháng cáo đối với việc bị đơn không đến Tòa sơ thẩm cũng như phúc thẩm là có dấu hiệu lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản theo Điều 175 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, sửa đổi năm 2017 nên yêu cầu Tòa án hủy án sơ thẩm thông báo về cơ quan cảnh sát để điều tra tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản đã nêu.

Bị đơn vắng mặt không lý do.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham dự phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

Về hình thức: Tòa án cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng các quy định pháp luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý đến khi xét xử. Tại phiên tòa phúc thẩm cho đến trước khi nghị án, Hội đồng xét xử phúc thẩm đã tiến hành phiên tòa đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự trong vụ án đã chấp hành đúng quy định pháp luật về quyền và nghĩa vụ của mình.

Về thời hạn kháng cáo của các đương sự là còn trong hạn luật định.

Về nội dung: Xét cấp sơ thẩm xem xét giải quyết vụ án đúng quy định; việc nguyên đơn kháng cáo đề nghị hủy án sơ thẩm vì có dấu hiệu tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản là không có cơ sở. Đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; sau khi nghe đương sự trình bày ý kiến về việc giải quyết vụ án; sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hình thức: Đơn kháng cáo của nguyên đơn nộp trong thời hạn theo quy định tại Điều 272, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 được chấp nhận xem xét lại bản án theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về thủ tục tố tụng: Cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp và đưa người tham gia tố tụng đầy đủ và đúng quy định.

Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt không lý do dù đã được tổng đạt hợp lệ nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt họ theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[3] Về nội dung kháng cáo của nguyên đơn: Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn đã xác định về nội dung bản án sơ thẩm đã tuyên về số tiền bị đơn phải trả ông không có ý kiến. Riêng về nội dung trong đơn kháng cáo đối với

việc bị đơn không đến Toà sơ thẩm cũng như phúc thẩm là có dấu hiệu lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản theo Điều 175 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xét nguyên đơn kháng cáo cho rằng phải hủy bản án dân sự sơ thẩm vì bị đơn không đến tòa giải quyết, vẫn giữ tài sản thế chấp nên có dấu hiệu hình sự nhưng không nộp đơn tại Cơ quan Cảnh sát Điều tra để giải quyết yêu cầu mà khởi kiện tại Toà án Thành phố E. Nguyên đơn cho rằng phía bà G vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên phát sinh tranh chấp và theo khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án;

Về nội dung tranh chấp và yêu cầu của nguyên đơn: Nguyên đơn xác định đồng ý với khoản tiền cầm cố và tiền lãi phát sinh cấp sơ thẩm đã tuyên;

Căn cứ Hợp đồng cầm cố thế chấp tài sản số 80 ngày 27/9/2019, ký kết giữa ông Lê Tất A - Chủ DNTN Dịch vụ Cầm đồ B với bà Trần Thị Hồng G và ông Phạm Bảo I.

Về hình thức hợp đồng thế chấp tài sản giữa ông Lê Tất A - Chủ DNTN Dịch vụ Cầm đồ B với bà Trần Thị Hồng G và ông Phạm Bảo I được xác lập bằng văn bản, hợp đồng được các bên tự nguyện ký kết; nội dung của hợp đồng thể hiện ông Lê Tất A nhận thế chấp bản chính Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy mang tên chủ xe là Trần Thị Hồng G, phía bà G và ông Phạm Bảo I nhận số tiền 20.000.000 (Hai mươi triệu) đồng do ông A giao. Bà G có ký nhận tiền và ghi : “Đã nhận đủ 20.000.000 hai mươi triệu đồng”. Từ chứng cứ này, có đầy đủ cơ sở để nhận định, bà G là người trực tiếp nhận số tiền 20.000.000 (Hai mươi triệu) đồng từ ông A. Ngoài ra, trong hợp đồng, bà G và chồng là ông Phạm Bảo I có ghi: “Tôi tự giữ xe bảo quản”. Ông A khai rằng bà G và ông Phạm Bảo I chưa trả tiền cho ông A; phía bà G và ông Bảo Phương không đến Toà trình bày và không có tài liệu chứng cứ chứng minh việc trả tiền nên cấp sơ thẩm buộc bà G và ông Bảo Phương trả số tiền trên là có cơ sở.

Về yêu cầu tiền lãi của nguyên đơn: Xét thấy, mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng cầm cố thế chấp tài sản số 80 là 0,2%/ngày tương ứng 6%/tháng, 72%/năm là vượt quá quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự nên cần điều chỉnh tiền lãi trong hạn theo mức lãi suất 20%/năm, tương ứng 1,67%/tháng, 0,05%/ngày. Tiền lãi quá hạn theo mức lãi suất quá hạn là 150% mức lãi suất trong hạn.

Về thời hạn tính tiền lãi: Xét các bên thỏa thuận thời hạn thế chấp tài sản là 30 ngày kể từ ngày 27/7/2019 đến 27/8/2019.

Cấp sơ thẩm tính lãi:

- Tiền lãi trong hạn: 300.000 đồng.
- Tiền lãi quá hạn: 24.000.000 đồng

Tổng số tiền gốc và lãi mà bà G và ông Phạm Bảo I phải trả cho ông Lê Tất A là: 44.300.000 (Bốn mươi bốn triệu ba trăm nghìn) đồng là phù hợp.

Ngày 25/11/2022, ông A có đơn xác định rút yêu cầu khởi kiện đối với bà Trần Thị Hồng G và ông Phạm Bảo I về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản, cấp sơ thẩm xét xử đình chỉ giải quyết yêu cầu trên là phù hợp.

Từ những nhận định trên xét thấy cấp sơ thẩm đã xem xét đánh giá tài liệu chứng cứ và xác định đúng thẩm quyền, đúng quy định. Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn.

Xét đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp với nhận định của Toà án.

Án phí dân sự phúc thẩm: Nguyên đơn là người cao tuổi và có đơn xin miễn giảm án phí nên được miễn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 3 Điều 26, Điều 227, 228, Điều 272, Điều 273, Điều 296, khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 317, Điều 318, Điều 320, Điều 322, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 hướng dẫn một số quy định của Pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân Tối cao;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

- Căn cứ Luật người cao tuổi;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự;

Xử:

1. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 3308/2023/DS-ST ngày 28/8/2023 của Tòa án nhân dân Thành phố E, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Lê Tất A được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- Chi cục THADS Tp. E ;
- Tòa án nhân dân Tp. E;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thị Như Hà